TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:119/2024/HNGĐ-ST Ngày 24-9-2024 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Trương Xuân Vũ;
2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Cẩm Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 81/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T** 43 tuổi
Địa chỉ: Thôn R- xã Ph- huyện L, có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L** 44 tuổi
Địa chỉ: Thôn R- xã Ph- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 09-7-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn tháng 7 năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TL- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến khoảng năm 2016- 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L hay ghen tuông vô cớ về đánh chị, đập phá tài sản, có lần vác dao đuổi chị. Gia đình đã khuyên nhủ, có lần Công an xã giải quyết nhưng anh L vẫn không thay đổi. Hiện tại hai người sống ly thân. Xác định không còn tình cảm, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Chị và anh L có hai con chung là Nguyễn Thị H sinh ngày 03-10-1999 và Nguyễn Văn S sinh ngày 11-4-2001 đều đã lập gia đình. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai và tại phiên hoà giải bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày cơ bản như lời khai của chị T, anh thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị kích động từ bên ngoài, do hiểu lầm, ghen tuông, không kiềm chế được nên nhiều lần chửi bới vợ, tuy nhiên không có việc anh đánh vợ. Anh đã nhận thấy lỗi lầm của mình và cam đoan không tái phạm; xác định vẫn còn tình cảm, anh không đồng ý ly hôn. Các con chung hiện đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng không có mặt đầy đủ để giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã Ph- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn năm 1999, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương phù hợp với lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị T- anh L không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do tính cách, lối sống không hợp nhau, anh L ghen tuông vô cớ dẫn đến nhiều lần xảy ra cãi vã. Bản thân anh L khẳng định vẫn còn tình cảm, mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân; quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T khẳng định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống

và kiến quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị T có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn L có hai cháu là Nguyễn Thị H sinh ngày 03-10-1999 và Nguyễn Văn S sinh ngày 11-4-2001, các cháu đều đã trưởng thành nên vấn đề nuôi con không đặt ra.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên việc giải quyết không đặt ra.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2- Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận chị T đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001906 ngày 09-7-2024.

3- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô